

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 57

TỈ KHEO TỤNG (Tiếp Theo)

3. Hành Pháp Của Tỳ-Kheo (Tiếp Theo):

Pháp Thượng tòa của Tăng: Khi Tăng xướng thời đáo hoặc đánh kiền chùy nên mau đến chỗ ngồi, nên nhìn ngó thượng, trung, hạ tòa có ai ngồi không như pháp không, chớ để mất thứ lớp. Nếu có ai ngồi không như pháp thì Thượng tòa nên chỉ bảo ngồi như pháp và theo thứ lớp, nên hiện tướng cho biết, nếu không biết thì khảy móng tay, nếu khảy móng tay mà cũng không biết thì nên nói với người ngồi gần bên, nên nói lời dịu dàng. Khi Tăng thọ thực, Thượng tòa nên bảo sốt thức ăn bình đẳng, phải đợi xướng Tăng bặt và tất cả Tăng phải thuận theo Thượng tòa.

Pháp Thượng tòa trong Tăng phường: Nếu Tăng phường bị hư hoại, Thượng tòa nên tự tu sửa hay bảo người tu sửa. Nếu không thấy Tỳ-kheo thì nên tìm, có Tỳ-kheo bệnh nên thăm hỏi, nếu không có người khán bệnh thì nên cho người khán bệnh. Nếu Tăng sai khán bệnh mà không chịu làm thì nên theo thứ lớp trong Tăng cất đặt người khán bệnh. Tăng ở trong Tăng phường này được lợi thí, Thượng tòa nên làm phương tiện chớ để cho mất; nếu được lợi thí nên cất đặt Tỳ-kheo có khả năng để xử phân. Nếu trong Tăng phường có làm việc gì thì Thượng tòa nên tự thân làm trước.

Pháp Thượng tòa ở trong phòng riêng: Nếu trong phòng riêng bị hư hoại, Thượng tòa nên tự tu sửa hay bảo người tu sửa. Nếu không thấy Tỳ-kheo thì nên tìm, có Tỳ-kheo bệnh nên thăm hỏi, nếu không có người khán bệnh thì nên cho người khán bệnh. Nếu Tăng sai khán bệnh mà không chịu làm thì nên theo thứ lớp trong Tăng cất đặt người khán bệnh. Tăng ở trong Tăng phường này được lợi thí, Thượng tòa nên làm phương tiện chớ để cho mất; nếu được lợi thí nên cất đặt Tỳ-kheo có khả năng để xử phân. Nếu trong Tăng phường có làm việc gì thì

Thượng tòa nên tự thân làm trước.

A-lam: Là Tăng-già-lam, trong Tăng-già-lam có quy định hay chế hạn gì, nếu tùy pháp không làm cho mình và người khác phiền não thì nên tiếp nhận chế hạn này. Ngược lại nếu chế hạn này mất lợi, làm cho mình và người phiền não thì không nên tiếp nhận, nên bỏ đi nơi khác. Nếu Tỳ-kheo tự biết có thể lực đồng kiến, có thể như pháp diệt trừ được chế hạn này thì nên bạch Tăng để diệt trừ.

Pháp rừng cây: rừng có nhiều cây cành lá nối tiếp nhau, trong phạm vi một Câu-lô-xá được tùy ý không mất y.

Pháp phòng riêng trong Tăng-già-lam: Trong Tăng-già-lam có nhiều phòng riêng biệt, trong đây có những quy định hay chế hạn gì, nếu tùy pháp không làm cho mình và người khác phiền não thì nên tiếp nhận chế hạn này. Ngược lại nếu chế hạn này mất lợi, làm cho mình và người phiền não thì không nên tiếp nhận, nên bỏ đi nơi khác. Nếu Tỳ-kheo tự biết có thể lực đồng kiến, có thể như pháp diệt trừ được chế hạn này thì nên bạch Tăng để diệt trừ.

Pháp phòng xá: Trong phòng xá của mình ở, Tỳ-kheo nên tưới quét, tô trét cho bằng phẳng, sắp xếp lại ngọa cụ, nếu dơ thì đem giặt. Khi muốn đi ra ngoài thì nên giao trả ngọa cụ lại cho Tăng, đóng cửa phòng khóa lại rồi mới đi.

Pháp ngọa cụ: Nếu dùng ngọa cụ của Tăng thì được mang ra ngoài cửa Tăng phường trong khoảng bốn mươi chín tầm, không được quá, nếu quá cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp cửa: Cửa là chỗ ra vào, khi đóng cửa không được đóng mạnh quá, khi mở cửa cũng không được đẩy mạnh quá. Lúc đóng cửa phải nhẹ nhàng, lúc ra vào cửa cũng phải thư thả, không được để y vướng vào hai bên cửa.

Pháp cài đóng cửa: Khi đi ra nên cài đóng cửa lại để giữ gìn Tăng phường và cũng để giữ tự thân.

Pháp Tăng phường trống: Khi Tỳ-kheo vào trong Tăng phường trống không, nên tưới quét cho sạch, nếu trong đó có khí cụ cần dùng thì nên rửa sạch đem cất. Nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ nhổ sạch cỏ trong Tăng phường, nếu không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo như pháp thấy có việc gì nên làm thì làm, không nên chỉ ra vào ở trong Tăng phường trống.

Pháp bát: Tỳ-kheo nên xem bát như mắt của mình, không nên để trên đất, trên đá, ở chỗ cao, chỗ bị mưa dột hay ở đầu tường, cũng không được để ở chỗ đại tiện và chỗ rửa và trong nhà tắm. Nếu rửa bát,

chưa khô thì không nên đem cất, cũng không được phơi quá khô, không được cố ý làm cho bể, nên khéo ái hộ chớ làm cho bể hay mất, vì nhân duyên tìm cầu sẽ trở ngại việc hành đạo.

Pháp y: Phải ái hộ y như da của mình, khi mặc y Tăng-già-lê không được khiêng đá cỏ bùn, không được tưới quét và dùng tay lấy bùn tô trét vách...; không được giẫm chân trên Tăng-già-lê, không được trái Tăng-già-lê ngồi, nằm; không được lấy Tăng-già-lê mặc làm áo trong. Tỳ-kheo nên mặc y Tăng-già-lê như pháp, mặc y Uất-đa-la-tăng như pháp, mặc y An-đà-hội như pháp; nên dùng ba màu làm cho hoại sắc để tác tịnh, không được mặc y có năm màu thuần sắc, trừ nạp y. Nếu Tỳ-kheo nghèo, thiếu vải may y thì trên y nên điệp điều lá hoặc năm điều, bảy điều, chín điều...; nếu đủ vải thì nên cắt rọc may thành y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội gọi là y như pháp.

Pháp Ni-sư-đàn: Tỳ-kheo không nên thọ Ni-sư-đàn đơn, Ni-sư-đàn đã thọ trước thì không nên xa lìa, nếu xả thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp cháo: Phật cho dùng cháo vì có năm lợi ích, đó là trừ đói, trừ khát, hạ khí, trừ lạnh dưới rốn và tiêu hóa thức ăn.

Pháp ăn: Tỳ-kheo khi ăn năm loại thức ăn thuộc Thời nên quán là thức ăn này khó được, khó làm thành, khi ăn vào miệng thì nằm trong ruột già, ruột non; khi đi ra cũng quán như vậy. Do nhân duyên ăn nên khởi các phiền não, tội nghiệp phải chịu quả báo khổ.

Pháp chõ ăn: Tỳ-kheo khi đến chõ ăn nên im lặng nhất tâm, nhiếp giữ oai nghi để người khác thấy sanh tâm thanh tịnh; khi vào ngồi đều phải thư thả từ tốn.

Pháp cho thức ăn: Tỳ-kheo chưa thọ thực không nên đem cho người khác, trước thọ cho mình sau mới cho tới người. Những người nào nên cho, đó là cha, mẹ, người bị giam cầm, người cần ăn gấp và phụ nữ mang thai; nên xem xét thức ăn mà cho nhiều hay ít; nếu có nuôi súc sanh thì nên cho nó phần ăn.

Pháp xin thức ăn: Tỳ-kheo khi đến chõ đàn việt thọ lấy thức ăn nên nhất tâm, không để cho tâm tán loạn, không nghĩ đến thức ăn ngon hay dở, phải xem thời giờ sớm hay muộn để mang thức ăn đi.

Pháp A-lan-nhã: Tỳ-kheo ở A-lan-nhã khi thấy có người đến chõ A-lan-nhã, nên cùng thăm hỏi, nhớ nghĩ chơn chánh, sắc mặt vui vẻ, không được cúi đầu, nên chào hỏi thiện lai. Nơi A-lan-nhã nên chứa củi lửa, đồ dùi lửa, thức ăn, đồ đựng thức ăn, nước, đồ lấy nước, đồ đựng nước; chậu nước rửa chân và bình nước thường dùng nên thường đầy nước. Tỳ-kheo nên biết rõ ngày giờ, thời tiết, xem sao; nên biết tụng

Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm; nên biết Sơ thiền... Tứ thiền; Sơ quả cho đến Tứ quả, nếu chưa biết thì nên học cho biết. Không được chứa nhật châu, nguyệt châu, được chứa thiền tượng... như trong Tu-đa-la Cù-sa ni có nói rõ.

Pháp Thượng tòa nơi A-lan-nhã: Khi các Tỳ-kheo ra ngoài giới, Thượng tòa nơi A-lan-nhã nên chỉ bảo Tỳ-kheo hạ tòa, nên nói nghi pháp ở A-lan-nhã, chỉ dạy cho được lợi hỷ. Tỳ-kheo hạ tòa nên vâng theo lời Thượng tòa đã dạy bảo mà làm theo. Nếu có cư sĩ đến A-lan-nhã, Thượng tòa nên thuyết pháp sâu xa, chỉ dạy cho họ phân biệt chánh đạo và tà đạo, nên nói về tri kiến. Nếu cư sĩ ra về thì tốt, nếu không ra về thì nên cho họ thức ăn và nói rằng: Nơi đây chỉ có thức ăn này.

Pháp ở gần tụ lạc: Tỳ-kheo ở gần tụ lạc nên nhất tâm, khi thấy có người đến, nên cùng nói chuyện thăm hỏi, nhớ nghĩ chơn chánh, sắc mặt vui vẻ, không được cúi đầu, nên chào hỏi thiện lai. Nơi A-lan-nhã nên chứa củi lửa, đồ dùi lửa, thức ăn, đồ đựng thức ăn, nước, đồ lấy nước, đồ đựng nước; chậu nước rửa chân và bình nước thường dùng nên thường đầy nước. Tỳ-kheo nên biết rõ ngày giờ, thời tiết, xem sao; nên biết tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm; nên biết Sơ thiền... Tứ thiền; Sơ quả cho đến Tứ quả, nếu chưa biết thì nên học cho biết. Không được chứa nhật châu, nguyệt châu, được chứa thiền tượng... như trong Tu-đa-la Cù-sa ni có nói rõ.

Pháp Thượng tòa ở gần tụ lạc: Khi các Tỳ-kheo ra ngoài giới, Thượng tòa ở gần tụ lạc nên chỉ bảo Tỳ-kheo hạ tòa, nên nói nghi pháp ở gần tụ lạc, chỉ dạy cho được lợi hỷ. Tỳ-kheo hạ tòa nên vâng theo lời Thượng tòa đã dạy bảo mà làm theo. Nếu có cư sĩ đến A-lan-nhã, Thượng tòa nên thuyết pháp sâu xa, chỉ dạy cho họ phân biệt chánh đạo và tà đạo, nên nói về tri kiến và dạy họ hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, khéo cho họ thọ tám giới.

Pháp bồn nước rửa chân: Tỳ-kheo khi thấy nước trong bồn rửa chân hết, nên tự lấy nước đổ cho đầy hay bảo người đổ đầy. Pháp Thượng tòa rửa chân: Nếu Thượng tòa thấy hạ tòa rửa chân rồi thì không nên sai bảo, nếu sai bảo thì phạm Đột-kiết-la. Pháp khách: Nếu Tỳ-kheo khách đến trong Tăng phưởng nên đắp y trích bày vai hữu, mặc Nê-hoàn-tăng trên dưới tương xứng nhau, túi đựng y bên vai phải nên chuyển qua bên vai trái; tích trượng, túi dầy, túi giày da, ống kim ở trong tay phải nên chuyển qua trong tay trái. Nếu muốn đại tiểu tiện thì nên đi ở ngoài trước rồi mới vào trong Tăng phưởng, nếu không có nước rửa chân thì dùng cỏ lá lau chân, nếu cửa đóng thì kêu gọi, nếu cửa mở

thì cứ vào. Nếu thấy cật Tỳ-kheo thì nên hỏi: “Trong Tăng phường có phòng dành cho khách Tỳ-kheo _tuổi hạ hay không?”, nếu nói có thì nên xin phép cho vào; Lại hỏi trong Tăng phường có người không, nếu nói không thì nên hỏi dùng nước gì, nếu nói là nước giếng thì nên xin dây gàu để múc lấy nước; khi mở cửa phòng nên khảy móng tay, nếu có rần rít nên gây ra tiếng để nó bỏ đi chỗ khác, sau đó đập giũ mền chiếu, quét dọn sạch sẽ trong phòng. Chậu nước rửa chân và bình nước dùng để sẵn, nếu chậu nước bên tay trái thì tay trái múc nước, tay phải rửa chân; nếu chậu nước bên tay phải thì tay phải múc nước, tay trái rửa chân. Rửa chân xong mang giày da vào phòng, đóng cửa rồi lên giường ngồi kiết già tư duy quán chiếu các pháp. Sáng hôm sau hỏi cật Tỳ-kheo: “Trong Tăng có ăn sáng, ăn trưa hay không, trong thôn chỗ nào có chó dữ, nhà nào có đồng nữ, quả phụ, nhà nào Tăng đã yết ma Học gia, nhà nào Tăng đã yết ma phú bát, chỗ nào nên đi, chỗ nào không nên đi”, hỏi xong rồi mới đi khát thực. Khi đi Tỳ-kheo khách nên đưa trả lại dây gàu, chổi, thu xếp cất ngọạ cụ, đóng cửa phòng rồi mới đi.

Pháp Thượng tòa Tỳ-kheo khách: Thượng tòa Tỳ-kheo khách nên ước tính có bao nhiêu khách Tỳ-kheo để báo cho cật Tỳ-kheo biết, cật Tỳ-kheo tùy số khách Tỳ-kheo đến mà cung cấp ngọạ cụ. Pháp Tỳ-kheo sắp đi: Nếu Tỳ-kheo muốn vào sáng ngày mai đi thì ngày nay nên đến từ biệt Hòa thượng, A-xà-lê. Hòa thượng, A-xà-lê cho đi thì mới được đi, nếu không cho đi thì đừng miễn cưỡng đi. Nếu Tỳ-kheo biết ở trong đây không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên rời khỏi Tăng phường này. Khi đi nên xem xét các phương tìm bạn lành, nên xét người này có chân thật không, có đồng tâm không, trên đường đi nếu có bệnh đau thì sẽ không bỏ rơi mà đi trước. Xét lường như thế rồi mới nên đi, nếu không xét lường như thế mà đi thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp Thượng tòa Tỳ-kheo sắp đi: Khi sắp đi, Thượng tòa nên đi sau cùng để giao trả lại ngọạ cụ cho Tăng. Khi ra khỏi Tăng phường nên nhắc nhở các bạn đồng hành là có quên vật gì không, nếu có quên thì nên đứng ở chỗ không xa trên đường để đợi; nên khuyên nhắc các bạn không được làm việc phi pháp, đùa giỡn mất chánh niệm.

Pháp đi phi thời: Nếu Tỳ-kheo muốn đi phi thời, nên bạch Hòa thượng, A-xà-lê là con muốn đến nhà của _tại tụ lạc _thuộc thành ấp _. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cho đi thì mới được đi, nếu không cho đi thì đừng miễn cưỡng đi.

Pháp nhóm họp phi thời: Trừ sáu ngày trai, những ngày khác đều là phi thời nhóm họp, việc phi thời và ngồi phi thời. Nếu nghe xướng

báo giờ hay đánh kiến chùy thì hãy mau đi đến và ngồi theo thứ lớp, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà làm, không được khinh mạn Thượng trung hạ tòa.

Pháp Thượng tòa ngồi họp trong Tăng: sáu ngày trai trong tháng là ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm, hai mươi ba, hai mươi chín và ba mươi; nếu Tỳ-kheo không bệnh nên hòa hợp một chỗ thuyết pháp. Nếu có luận sư ngoại đạo đến với tâm ghen tị để phá thuyết pháp thì Tỳ-kheo nên như pháp cật vấn để chiết phục họ, không được tức giận ác khẩu. Khi Thượng tòa đến chỗ ngồi họp thấy hạ tòa đã ngồi trước rồi thì không nên bảo đứng dậy, nếu bảo đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp của người thuyết pháp: Người thuyết pháp nên nhất tâm thuyết pháp, sanh tâm từ bi tạo lợi ích cho người nghe pháp. Nên nói lời rõ ràng trang nghiêm tao nhã, như pháp thuyết pháp theo thứ lớp, biện tài vô tận, thuyết pháp như thế mới tùy thuận thật tướng của các pháp, vì pháp mà nói, không vì lợi dưỡng.

Pháp của Thượng tòa thuyết pháp: Nếu hạ tòa là pháp sư thuyết pháp, pháp sư Thượng tòa nên xem xét điều mà Hạ tòa nói là nói theo thứ lớp hay không theo thứ lớp, là nói như pháp hay nói phi pháp. Nếu thấy vị đó nói như pháp và nói theo thứ lớp thì nên khen ngợi ủng hộ; nếu nói phi pháp và không theo thứ lớp thì nên ngăn lại.

Có các Phạm chí ngoại đạo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp, được nhiều lợi dưỡng và tăng thêm đồ chúng. Vua Bình sa vốn tín kính Phật pháp, lúc đó suy nghĩ: “Mong các Tỳ-kheo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp, ta sẽ dẫn đại chúng đến nghe pháp để các Tỳ-kheo nhờ nhân duyên này được nhiều lợi dưỡng và tăng thêm đồ chúng”, nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật chấp thuận cho các Tỳ-kheo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy thuyết pháp, quốc vương và quần thần đều đến nghe pháp, vì ngồi trên đất thuyết pháp nên tiếng không vang xa, liền suy nghĩ: “Nếu Phật cho đứng thuyết pháp thì tốt”, bạch Phật, Phật cho đứng thuyết pháp. Lúc đó các Tỳ-kheo rộng thuyết về đại kinh nên người nói mệt nhọc mà người nghe cũng mệt nhọc, Phật bảo: “Đến lúc nên nghỉ thì nên nghỉ”. Lúc đó các Tỳ-kheo lấy nghĩa của kinh Phật, tự dùng tâm phân biệt rộng nói rồi liền sanh nghi không biết là có hoại pháp không, liền bạch Phật, Phật bảo: “Từ nay cho được lấy nghĩa của kinh Phật, dùng ngôn từ trang nghiêm để giải nói theo thứ lớp”. Kinh Phật vốn để trực tiếp đọc tụng, không nên bàn luận tạp, lúc đó các Tỳ-kheo ở khắp nơi loạn tụng, Phật bảo không nên; lúc đó có hai Tỳ-kheo

ở một chỗ cùng hợp tán, Phật bảo không nên hợp tán, nếu hợp tán thì phạm Đột-kiết-la. Lúc đó các Tỳ-kheo thuyết pháp và tán tụng để được tài lợi, Phật bảo: “Không nên thuyết pháp vì tài lợi, nếu vì tài lợi thì phạm Đột-kiết-la”. Lúc đó người thuyết pháp tán tụng ẩn đại chúng đến chỗ khác để thuyết pháp và tán tụng, tự bỏ đồ chúng, Phật bảo không nên. Lúc đó các Tỳ-kheo lại sai người một mắt, không mắt, không tay, kiễng chân, lưng gù lên thuyết pháp tán tụng. Ngoại đạo thấy người thuyết pháp như vậy liền chê cười và trêu chọc các Hiền giả rằng: “Đây là thầy thuyết pháp của các ông sao, là tháp của các ông, được các ông tôn kính thọ cúng dường trước, ăn trước và đi trước đây sao”, các Hiền giả nghe rồi sanh hổ thẹn, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: “Từ nay không nên thỉnh những người như người một mắt, không mắt, không tay, kiễng chân, lưng gù lên thuyết pháp tán tụng; nếu thỉnh thì phạm Đột-kiết-la”. Các Tỳ-kheo lại sai những người phá giới, phá chánh kiến thuyết pháp, những người này do nhân duyên thuyết pháp nên được nhiều lợi dưỡng và thế lực đồ chúng ngày càng lớn mạnh, làm những việc phi pháp không thể ngăn cản được. Phật bảo: “Từ nay không nên thỉnh người phá giới, phá chánh kiến thuyết pháp, nếu thỉnh thì phạm Đột-kiết-la”. Lúc đó các Tỳ-kheo không biết thỉnh ai thuyết pháp, Phật bảo: “Người được thỉnh phải tập thuyết pháp và tán tụng trước”, nếu không có người đã tập thuyết pháp trước thì nên theo thứ lớp trong Tăng lên thuyết pháp và tán tụng. Nếu trong Tăng không có người tập thuyết pháp trước, cũng không theo thứ lớp lên thuyết pháp thì các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Pháp an cư: Tỳ-kheo muốn an cư, trước phải xem xét trú xứ, nếu chỗ ra vào an ổn, nơi đây có đủ rừng cây và nước sạch, ngày đêm yên tĩnh, ít muỗi mòng, ít gió, ít nóng, ít các loại trùng độc... Trong đó có Tỳ-kheo chân thật và Tỳ-kheo đồng ý để cùng ngồi thiền, thuyết pháp và nghe pháp; nếu có bệnh sẽ có được thuốc uống đúng bệnh, thức ăn uống đúng bệnh và có người khán bệnh. Xét lường như thế rồi mới nên an cư, nếu không xét lường như thế mà an cư thì phạm Đột-kiết-la. Pháp trong an cư: Tỳ-kheo trong an cư, nếu không có nhân duyên mà Phật khai cho thì không được xuất giới ngủ đêm bên ngoài cho đến một đêm. Như vương tử Ca-thi xuất gia làm Tỳ-kheo, vua cha muốn cất chùa nên sai sứ gọi Tỳ-kheo về lo việc xây cất, Tỳ-kheo nói: “Phật chưa cho vì việc xây cất chùa mà phá an cư”, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: “Từ nay, nếu vì việc xây cất chùa thì được đi”.

Pháp Thượng tòa an cư: Thượng tòa an cư nên xem xét các phòng

xá, phòng nào đã tu sửa, phòng nào chưa tu sửa; nếu đã tu sửa tốt thì nên khen ngợi, nếu chưa thì nên đốc thúc tu sửa.

Pháp an cư xong: Tỳ-kheo an cư xong nên làm ba việc: Xướng lại phần giới, nếu có thọ y Ca-hi-na thì tùy vật được thí đều nhiếp thuộc về y Ca-hi-na; tùy ở phòng nào nên tưới quét cho sạch, đập giữ ngọa cụ, nếu dơ thì nên giặt sạch rồi xếp để lại chỗ cũ, ra khỏi phòng khóa cửa lại rồi tùy ý đi.

Pháp thọ chúng: Tỳ-kheo nên tìm hiểu chúng thích thuyết pháp hay im lặng, nếu thích thuyết pháp thì nên thuyết pháp, nếu thích im lặng thì thôi.

Pháp đến chúng hội: Tỳ-kheo nên phân biệt rõ nếu đến trong chúng Sát-đế-ly thì nên như thế, như thế; nếu đến trong chúng Bà-la-môn thì nên như thế như thế; đến trong chúng cư sĩ thì nên như thế như thế; đến trong chúng Tỳ-kheo thì nên như thế như thế... ra vào ngồi đứng nên như thế như thế, hoặc nên thăm hỏi hoặc nên im lặng.

Pháp thọ chúng: Tỳ-kheo thọ chúng nên xem xét chúng này là thiện hạnh hay là bất thiện hạnh. Nếu là thiện hạnh thì nên khéo xem xét rồi như pháp cung cấp cho họ y bát thuốc thang và những vật cần dùng, nếu họ có phạm tội nên giúp đỡ để họ được xuất tội. Nếu là bất thiện hạnh thì nên như pháp quả trách để tâm họ được chiết phục. Pháp Thượng tòa thọ chúng: Thượng tòa thọ chúng nên như pháp chỉ dạy chúng, không để cho chúng làm việc phi pháp, đùa cợt làm cho tán loạn.

Pháp nói Ba-la-đề-mộc-xoa: Có năm cách

- Một là nói tựa giới, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Hai là nói tựa giới, bốn pháp Ba-la-di, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Ba là nói tựa giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Bốn là nói tựa giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp bất định, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Năm là nói đầy đủ.

Pháp của người nói Ba-la-đề-mộc-xoa: Tỳ-kheo nói Ba-la-đề-mộc-xoa nên tụng trước cho thông suốt, đừng để khi vào trong Tăng nói có sai sót.

Pháp tăng hội họp: Trừ sáu ngày trai trong tháng, những lúc khác Tăng hội họp, Tăng hành sự, Tăng tọa xứ, Nếu nghe xướng báo giờ hay đánh kiền chùy thì Tỳ-kheo hãy mau đi đến và ngồi theo thứ lớp, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, không được khinh mạn Thượng, trung, hạ tòa.

Pháp Thượng tòa hội họp giống như pháp Thượng tòa phi thời hội họp.

Pháp trung tòa: Tỳ-kheo trung hạ tòa khi vào nhà bạch y nên đi sau Thượng tòa và cung kính Thượng tòa; nếu Thượng tòa đi tiện lợi nên chờ đợi, không được bỏ đi xa. Nếu bạch y mời vào trước thì nên nói: “Hãy đợi một lát, Thượng tòa sẽ đến”; nếu bạch y đốc thúc vào trước thì nên chờ chỗ cho Thượng tòa rồi mới ngồi; nếu bạch y mời nước nên nói: “Chờ một chút, Thượng tòa sẽ vào”.

Pháp hạ tòa: Tỳ-kheo hạ tòa nên tưới quét điện Phật, giảng đường, chỗ bố tát, tháp Phật, chỗ chúng tăng hội họp, nên theo thứ lớp trải tọa cụ, lo liệu đềm lửa, đổ đầy nước trong bồn nước rửa chân và trong bồn nước của nhà vệ sinh. Hạ tòa nên nên những việc của tăng như thế.

Pháp Thượng trung hạ tòa: Tỳ-kheo thượng trung hạ tòa nên thọ trì đầy đủ lời Phật dạy, như pháp hành trì.

Pháp nhà tắm: Tỳ-kheo vào nhà tắm phải nhất tâm nói nhỏ, khéo giữ oai nghi và thu nhiếp các căn.

Pháp rửa trong nhà tắm: rửa trong nhà tắm có năm lợi ích: Sạch sẽ, da trên thân được cùng một màu, phá trừ lạnh nóng, trừ khí gió và ít bệnh đau.

Pháp Thượng tòa nơi nhà tắm: Khi Thượng tòa đến trong nhà tắm, thấy hạ tòa đã vào tắm trước rồi thì không nên bảo đứng dậy đi ra, nếu bảo đứng dậy đi rathì phạm Đột-kiết-la.

Pháp Hòa thượng: Hòa thượng nên dạy bảo đệ tử cọng hành xa lìa ác tri thức, thân gần thiện tri thức; nên cung cấp cho đệ tử y bát, thuốc thang và vật cần dùng; nếu đệ tử có phạm tội nên giúp đỡ để được xuất tội.

Pháp đệ tử cọng hành: Đệ tử không nên khinh mạn Hòa thượng, muốn đi đâu nên bạch Hòa thượng; khi đi nên đi theo sau Hòa thượng để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch Hòa thượng, trừ đại tiểu tiện, rửa răng và đánh lễ Phật, pháp, tăng. Nếu đệ tử cọng hành ở bên Hòa thượng biết không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch Hòa thượng: “Xin gửi con cho Tỳ-kheo _____”, Hòa thượng

nên suy xét Tỳ-kheo ___giáo hóa pháp gì, chúng đệ tử như thế nào; nếu thấy Tỳ-kheo ___đó có đầy đủ pháp thiện thì nên gọi đệ tử, nếu không đầy đủ pháp thiện thì nên gọi cho Tỳ-kheo khác. Nếu đệ tử cộng hành thấy Hòa thượng hạnh không tốt thì nên bỏ đi.

Pháp A-xà-lê: A-xà-lê nên dạy bảo đệ tử cận hành xa lìa ác tri thức, thân gần thiện tri thức; nên cung cấp cho đệ tử y bát, thuốc thang và vật cần dùng; nếu đệ tử có phạm tội nên giúp đỡ để được xuất tội .

Pháp đệ tử cận hành: Đệ tử cận hành không nên khinh mạn A-xà-lê, muốn đi đâu nên bạch A-xà-lê; khi đi nên đi theo sau A-xà-lê để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch A-xà-lê, trừ đại tiểu tiện, rửa răng và đánh lễ Phật, pháp, tăng. Nếu đệ tử cận hành ở bên A-xà-lê biết không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch rằng: “Xin gọi con cho Tỳ-kheo ___”, A-xà-lê nên suy xét Tỳ-kheo

___ giáo hóa pháp gì, chúng đệ tử như thế nào; nếu thấy Tỳ-kheo ___đó có đầy đủ pháp thiện thì nên gọi đệ tử, nếu không đầy đủ pháp thiện thì nên gọi cho Tỳ-kheo khác. Nếu đệ tử cận hành thấy A-xà-lê hạnh không tốt thì nên bỏ đi.

Pháp Sa-di: Sa-di không nên khinh mạn Hòa thượng, muốn đi đâu nên bạch Hòa thượng, khi đi nên đi theo sau Hòa thượng để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch Hòa thượng, trừ đại tiểu tiện, rửa răng và đánh lễ Phật, pháp, tăng. Nếu Sa-di ở bên Hòa thượng biết không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch Hòa thượng: “Xin gọi con cho Tỳ-kheo ___”, Hòa thượng nên suy xét Tỳ-kheo ___giáo hóa pháp gì, chúng đệ tử như thế nào; nếu thấy Tỳ-kheo ___đó có đầy đủ pháp thiện thì nên gọi Sa-di, nếu không đầy đủ pháp thiện thì nên gọi cho Tỳ-kheo khác. Nếu Sa-di thấy Hòa thượng hạnh không tốt thì nên bỏ đi. Hòa thượng nên bảo Sa-di lấy đĩa thức ăn, trái cây, thuốc thang và tắm rửa răng, nên bảo Sa-di nhổ cỏ trong Tăng phường, quét dọn sạch sẽ.

Pháp xuất lực (hiện oai lực): Nếu bạch y ở trong chùa muốn làm việc ác xâm nhiễu Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo nên dùng lời cứng rắn để chiết phục họ, nếu không chiết phục được thì không nên bạch vua, nên nói trước cho tri thức của người ác này biết, sau đó mới nói cho phu nhân của vua, vương tử hay đại thần; nếu người ác này chịu dừng lại thì thôi.

Pháp Tỳ-kheo theo sau: Tỳ-kheo theo sau là không được đi trước,

không được đi quá xa ở phía sau, không được đi ngang hàng, không nói trước cũng không nói nhiều, không hỏi thì không nói; nếu hỏi thì nên trả lời ngay. Nếu Tỳ-kheo đi trước nói phi pháp, Tỳ-kheo đi sau nên ngăn lại, nếu nói như pháp thì nên tùy hỷ, nếu như pháp được vật thí thì nên thọ lấy.

Pháp Tỳ-kheo thường ra vào nhà: Tỳ-kheo khi ra vào nhà nên thu nhiếp các căn, không nên đũa cột, nên giữ oai nghi thanh tịnh như pháp để đàn việt thấy sanh tâm thiện.

Pháp đến nhà: Nếu Tỳ-kheo với tâm tán loạn, tâm không biết nhằm chán mà đến nhà đàn việt thì thường phạm năm lỗi: Một là không mời mà tự vào, hai là ngồi ở chỗ khuất, ba là gượng ngồi, bốn là thường ăn, năm là khi không có người nam bên cạnh lại nói chuyện với người nữ quá năm, sáu lời.

Pháp ở nhà bạch y: Tỳ-kheo ở nhà bạch y nên khéo biết chỗ ngồi và pháp ngồi sai khác, nên nói pháp sâu xa, chỉ dạy cho bạch y biết chánh đạo và tà đạo, nên nói về tri kiến và dạy họ hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, khéo cho họ thọ tám giới.

Pháp Thượng tòa ở nhà: Thượng tòa ở nhà bạch y nên xem xét đồ chúng của mình đừng làm việc phi pháp, các căn tán loạn, đùa giỡn buông lung, nên giữ oai nghi thanh tịnh để đàn việt thấy sanh tâm thiện.

Pháp nói năng: Tỳ-kheo khách khi mới đến trong Tăng phường, cữ Tỳ-kheo không nên vội trao cho ngọ cụ, trước phải nói chuyện hỏi thăm, sau đó mới tùy khách Tỳ-kheo là thượng trung hay hạ tòa mà trao cho ngọ cụ.

Pháp nghỉ ngơi: Tỳ-kheo khách khi mới đến, không nên vội tới chỗ cữ Tỳ-kheo hỏi xin ngọ cụ, trước nên đứng một chỗ nhiếp giữ oai nghi và các căn, sau đó mới đến cữ Tỳ-kheo hỏi xin phòng xá và ngọ cụ.

Pháp dẫy lượt nước: Tỳ-kheo không có dẫy lượt nước thì không nên đi xa, nếu đi đến chỗ có nước sạch, hay nước sông nước suối hoặc cách khoảng hai mươi dặm có trú xứ thì không cần phải có dẫy lượt nước.

Pháp kinh hành: Tỳ-kheo khi kinh hành nên đi thẳng, không chậm không mau, nếu không đi thẳng được thì nên kẻ đường trên đất làm tướng để đi noi theo.

Pháp ở trên hư không: Hư không không có ranh giới, người ở dưới đất hưởng tới người ở trên hư không, hay người ở trên hư không hưởng

tới người ở dưới đất thì không được ngăn yết ma hay làm yết ma.

Pháp tiện lợi: Tỳ-kheo sắp vào nhà xí nên khảy móng tay trước, nếu có người vào trước thì nên đợi họ ra; khi người kia ra rồi, mình nên cởi y phục để một bên rồi mới vào, nên ngồi chồm hổm từ từ tiện lợi, không nên cố rặn cho mau ra.

Pháp gần nhà xí: Tỳ-kheo không nên ở gần nhà xí đọc tụng kinh, nghị luận và thuyết pháp; cũng không nên ở gần nhà xí cất may, giặt nhuộm y. Tất cả mọi việc đều không nên làm, trừ tiện lợi. Pháp ván bệ cầu: Tỳ-kheo ở trên ván bệ cầu tiện lợi không nên làm dơ ván.

Pháp Thượng tòa nơi nhà xí: Nếu thấy hạ tòa vào nhà xí trước rồi thì Thượng tòa không nên đuổi đi ra, nếu đuổi đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp lau: Không nên dùng vật bén để lau chùi.

Pháp chỗ rửa: Tỳ-kheo đại tiểu tiện xong, nếu không rửa chỗ đại tiểu tiện thì không được ngồi nằm trên ngọa cụ của tăng, nếu ngồi nằm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không có nước hay bạch y thờ nước hay bỏ thuốc vào nước thì không được rửa. Những trường hợp như vậy không rửa thì không phạm.

Pháp gần chỗ rửa: Tỳ-kheo không nên ở gần chỗ rửa đọc tụng kinh, nghị luận và thuyết pháp; cũng không nên ở gần chỗ rửa cất may, giặt nhuộm y. Tất cả mọi việc đều không nên làm.

Pháp ván chỗ rửa: Tỳ-kheo ở trên tấm ván chỗ rửa khi rửa chớ làm ướt ván.

Pháp Thượng tòa ở chỗ rửa: Nếu thấy hạ tòa đến ngồi ở chỗ rửa trước rồi thì Thượng tòa không nên đuổi đi ra, nếu đuổi đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp chỗ tiểu tiện: Tỳ-kheo không được tiểu tiện lung tung, nên đi ở chỗ thường đi.

Pháp gần chỗ tiểu tiện: Tỳ-kheo không nên ở gần chỗ tiểu tiện đọc tụng kinh, nghị luận và thuyết pháp; cũng không nên ở gần chỗ tiểu tiện cất may, giặt nhuộm y. Tất cả mọi việc đều không nên làm, trừ tiểu tiện.

Pháp ván chỗ tiểu tiện: Tỳ-kheo ở trên tấm ván chỗ tiểu tiện, khi tiểu tiện không nên làm ướt ván.

Pháp Thượng tòa ở chỗ tiểu tiện: Nếu thấy hạ tòa vào tiểu tiện trước rồi thì Thượng tòa không nên đuổi đi ra, nếu đuổi đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp khạc nhổ: Tỳ-kheo không được khạc nhổ lớn tiếng, không

được nhỏ nơi đất sạch.

Pháp dùng ống nhỏ: Phật cho dùng hai loại ống nhỏ bằng gốm sành hay đồng, nên khéo ái hộ chớ làm cho bể hay mất, vì nhân duyên tìm cầu sẽ trở ngại việc hành đạo.

Pháp bát chi: Phật cho dùng du thạch, đồng, sắt, chì, thiếc... để kê đỡ bát, nên khéo ái hộ chớ làm cho bể hay mất, vì nhân duyên tìm cầu sẽ trở ngại việc hành đạo.

Pháp tắm rửa răng: Phật cho dùng ba loại tắm rửa răng là thượng trung và hạ. Tắm thượng dài một thước hai, tắm hạ dài sáu tấc, ở giữa là tắm trung.

Pháp nạo lưỡi: Không nên dùng vật bén để nạo lưỡi sẽ làm cho lưỡi bị thương.

Pháp ngoái tai: Không nên dùng vật bén nhọn ngoái tai, không được ngoái mạnh sẽ làm râu xước lỗ tai. Các hành pháp của tỳ-kheo như thế, Tỳ-kheo nên thọ trì, ngược với các hành pháp trên thì gọi là phi pháp.

4. Hai Loại Tỳ-Ni Và Tạp Tụng

Ba việc quyết định biết tướng Tỳ-ni, đó là bốn khởi, kết giới và tùy kết. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tránh Tỳ-ni và Phạm Tỳ-ni. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-ni thanh tịnh và Tỳ-ni phiến não. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-kheo Tỳ-ni và Tỳ-kheo-ni Tỳ-ni. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-ni phổ biến khắp và Tỳ-ni không phổ biến khắp. Tránh Tỳ-ni là tranh cãi chỉ trích nhau, đấu tranh chia rẽ nhau; các Tỳ-kheo nên xem xét việc tranh cãi này do nhân duyên gì sanh khởi và làm sao diệt được. Nhân duyên sanh khởi việc đấu tranh là do mười bốn việc phá Tăng, sáu nguồn gốc đấu tranh cũng là nhân duyên sanh khởi đấu tranh, nên dùng hai Tỳ-ni là Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mịch Tỳ-ni để diệt tránh. Phạm Tỳ-ni là năm chủng phạm, định phạm nhiếp thuộc về Phạm Tỳ-ni, tức là phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni và Đột-kiết-la. Nên tìm cầu bốn khởi và nguồn gốc sanh khởi của năm loại tội này để trừ diệt.

Bốn khởi là nhân duyên khởi ra các tội, hoặc do thân phạm, không phải do khẩu và ý; hoặc do khẩu phạm, không phải do thân và ý; hoặc do thân và ý phạm, không phải do khẩu; hoặc do khẩu và ý phạm, không phải do thân; hoặc do cả thân, khẩu, ý cùng phạm; hoặc không phải do thân, khẩu, chỉ do nơi ý. Nếu phạm tội nhẹ chỉ cần tâm niệm sám liền có thể trừ diệt; nếu phạm tội vừa thì phải đối thú sám mới được

trừ diệt; nếu phạm tội trọng thì cần phải tác yết ma cho xuất tội, nhưng cũng có loại phạm tội không thể trừ diệt được. Loại phạm tội cần cho yết ma xuất tội có hai: Che giấu và không che giấu, nếu che giấu thì tùy che giấu bao nhiêu ngày thì cho hành biệt trụ bấy nhiêu ngày; nếu không che giấu thì cho hành sáu ngày sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu phạm tội không thể trừ diệt thì không thể sám hối trừ diệt.

Tỳ-ni phiền não: Nên tìm nhân duyên sanh khởi và nhân duyên diệt. Nhân duyên sanh khởi là bị hệ phược ở trong pháp, sanh tâm tham đắm, thấy vị lợi nên sanh phiền não. Nhân duyên diệt là khi bị hệ phược ở trong pháp nên quán vô thường sanh diệt, nhàm lìa xả diệt, tâm khéo trụ trong các thiền định tam muội địa, hòa hợp các hạnh, hệ tâm trong duyên, thể nhập ba môn giải thoát, có thể đoạn trừ các kiết sử do kiến đế và tư duy (kiến hoặc và tư hoặc). Đoạn được hai kiết sử này thì chứng được quả Sa-môn, tùy theo quả đã chứng đắc nên có Thánh nhân sai khác.

Tỳ-kheo Tỳ-ni có thanh tịnh hay không thanh tịnh, Tỳ-kheo-ni Tỳ-ni có thanh tịnh hay không thanh tịnh; phổ biến cùng khắp hay không phổ biến cùng khắp.

Thời thanh tịnh là đầu đêm thọ nước ép trái cây uống.

Hai sai thời thanh tịnh là phần đầu đêm và cuối đêm nên ngồi thiền tụng kinh.

Một đêm thanh tịnh là Tỳ-kheo-ni được chứa bát dư một đêm.

Hai đêm thanh tịnh là được cùng ngủ hai đêm với người chưa thọ giới cụ túc .

Ba đêm thanh tịnh là đến đêm thứ ba thì người chưa thọ giới cụ túc nên chuyển qua chỗ khác ngủ đêm.

Năm đêm thanh tịnh là Phật cho lâu nhất đến năm đêm không thọ y chỉ.

Sáu đêm thanh tịnh là nơi A-lan-nhã chỗ có sợ hãi thì Tỳ-kheo được sáu đêm lìa y ngủ.

Bảy đêm thanh tịnh là Phật cho Tỳ-kheo bệnh được chứa loại tàn được lâu nhất đến bảy đêm để dùng.

Mười đêm thanh tịnh là Tỳ-kheo được chứa bát dư lâu nhất đến mười ngày.

Nửa tháng thanh tịnh là mỗi nửa tháng nên hòa hợp lại một chỗ để thuyết giới bố tát .

Một tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo được chứa y phi thời lâu nhất là một tháng.

Hai tháng thanh tịnh là Phật cho Tỳ-kheo được hai tháng không y chỉ.

Ba tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo nên an cư ba tháng.

Bốn tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo tu hành đầu đà ngồi nơi đất trống ở đất nước có nhiều mưa, được bốn tháng ngồi nơi đất trống và tám tháng ở chỗ có che ngăn.

Năm tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo được năm tháng thọ y Ca-hi-na.

Tám tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo tu hạnh đầu đà ở quốc độ ít mưa thì nên tám tháng ở ngoài đất trống, bốn tháng ở trong chỗ có che ngăn.

Chín tháng thanh tịnh: Tỳ-kheo có công việc chưa xử lý xong được lâu nhất là chín tháng.

Một năm thanh tịnh là Tỳ-kheo được thọ y Ca-hi-na trong một năm.

Hai năm thanh tịnh là Tỳ-kheo-ni nên hai năm thường theo Hòa thượng ni.

Ba tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ được cùng ngồi trên giường dây lớn, hai người được ngồi trên giường dây nhỏ, giường độc tọa thì chỉ được một người ngồi.

Năm tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ nên y chỉ người khác, nếu đủ năm tuổi hạ thì được lìa y chỉ ngủ.

Sáu tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo-ni chưa đủ sáu tuổi hạ nên y chỉ người khác, nếu đủ sáu tuổi hạ thì được lìa y chỉ ngủ.

Bảy tuổi thanh tịnh: Phật cho Sa-di nhỏ nhất là bảy tuổi.

Chín tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo chín tuổi hạ nên theo Tăng làm việc.

Mười tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ được nuôi đệ tử. Lại nữa Sa-di-ni đã từng gả ít nhất là mười tuổi được thọ sáu pháp.

Mười hai tuổi thanh tịnh: Thức-xoa-ma-na đã từng gả đủ mười hai tuổi được thọ giới cụ túc. Lại nữa A-tỳ-kheo-ni đủ mười hai tuổi hạ được nuôi đệ tử.

Mười tám tuổi thanh tịnh: Sa-di đồng nữ mười tám tuổi được thọ sáu pháp. hai mươi tuổi thanh tịnh: Sa-di hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc; đồng nữ Thức-xoa-ma-na đủ hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc. Lại nữa Tỳ-kheo đủ hai mươi tuổi hạ nên sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.

Một người thanh tịnh: Một Tỳ-kheo làm A-địa-đàn để bố tát.

Hai người thanh tịnh: Hai Tỳ-kheo nên cùng nhau chia vật, lần

lượt chia.

Ba người thanh tịnh: Nên nói ba lần bố tát.

Bốn người thanh tịnh: Nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

Năm người thanh tịnh: Nên sai người tự tứ.

Tám người thanh tịnh: Nên thọ pháp đại chúng nhóm họp.

Mười người thanh tịnh: Được truyền thọ giới cụ túc.

Hai mươi người thanh tịnh: Được làm yết ma Xuất tội.

Bát thanh tịnh: Phật cho dùng hai loại bát bằng gốm sứ và bằng sắt, tám loại bát khác không nên dùng.

Y thanh tịnh: Có bảy loại y không cần tác tịnh được dùng, đó là Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, y tắm mưa, y che phủ ghế, Ni-sư-đàn và các vật cần dùng khác.

Dao thanh tịnh: Phật cho chứa loại dao nhỏ để cắt rọc y trong một tháng. Kim thanh tịnh: Phật cho chứa hai loại kim bằng đồng và bằng sắt, có mũi nhọn, tròn và như hạt đậu nhỏ.

Nhuộm thanh tịnh: Có Tỳ-kheo bạch Phật nên dùng vật gì nhuộm y, Phật bảo nên dùng nhựa của rễ cây, thân cây, lá cây, hoa, quả và nước phân của con trâu đực mới sanh để nhuộm y.

Hoại sắc thanh tịnh: Tỳ-kheo được vải mới nên dùng ba loại màu nhuộm cho hoại sắc, đó là màu xanh, bùn và cỏ thiến.

Lượng thanh tịnh: May y không được bằng kích lương y của Phật, nên may theo kích lượng của thân mình.

Những việc thanh tịnh trên, Tỳ-kheo nên hết sức suy tư quán sát, cho đến hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa, nghĩa giải Tỳ-ni, Tăng nhất, không có nhân duyên bốn khởi, Tỳ-ni chung và không chung. Việc này thanh tịnh thì không nên ngăn, việc không thanh tịnh thì nên ngăn, như các màu thuần sắc xanh, vàng, đỏ trắng là bất tịnh thì nên ngăn; không phải thuần sắc là thanh tịnh thì không nên ngăn. Như rượu nếu sắc rượu, hương rượu và vị rượu, lực rượu là bất tịnh thì nên ngăn; ngược lại không có sắc, hương vị và lực rượu là thanh tịnh thì không nên ngăn. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo đã tác tịnh rồi thì được dùng, năm loại hạt giống sống nếu Tỳ-kheo dùng năm loại tác tịnh thì được ăn. Như tám loại nước ép trái cây, nếu dùng nước tác tịnh thì được uống; như mười loại y nếu dùng ba màu làm cho hoại sắc thì được mặc. Việc này tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được dùng; nếu việc này bất tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không nên dùng. Lại nữa việc này vào thời , nơi là thanh tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên dùng; nếu vào lúc , nơi là bất tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không nên dùng. Nếu việc này vào thời

_____ như thời đói kém hay già bệnh thì Tỳ-kheo nên dùng; nếu vào thời sung túc được mùa hay trẻ tuổi không bệnh thì Tỳ-kheo không nên dùng. Những việc như thế, Tỳ-kheo nên suy xét kính trọng, ngọn ngành rồi mới dùng.
